|  |  |
| --- | --- |
| **TỈNH ỦY QUẢNG NAM****\*** |  **ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM** |
|  |  |

**Phụ lục số 01**

**danh sách văn bản tham mưu triển khai thực hiện**

*(Kèm theo Báo cáo số -BC/TU, ngày / /2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy).*

**-----**

**I. Văn bản của Ban Thường vụ Tỉnh ủy**

**1.** Nghị quyết số 15-NQ/TU, ngày 14/10/2021 của Tỉnh ủy về tăng cường công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

**2.** Chỉ thị số 47-CT/TU, ngày 03/6/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạp của Đảng đối với công tác phòng cháy, chữa cháy.

**Văn bản của HĐND tỉnh**

- Nghị quyết số 38/2021/NQ-HĐND, ngày 08/12/2021 về Quy định mức chi hỗ trợ công tác quản lý, bảo vệ rừng tự nhiên trong các lưu vực thuỷ điện trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2022 - 2025;

- Nghị quyết số 22/2023/NQ-HĐND, ngày 22/9/2023 của HĐND tỉnh quy định nội dung và mức hỗ trợ công tác quản lý, bảo vệ rừng tự nhiên ngoài lưu vực thủy điện trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2023 - 2025.

**II. Văn bản của UBND tỉnh**

 - Quyết định số 3059/QĐ-UBND, ngày 25/10/2021 ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược Phát triển Lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh;

 - Quyết định số 3629/QĐ-UBND, ngày 10/12/2021 ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 15-NQ/TU, ngày 14/10/2021 của Tỉnh ủy về tăng cường công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;

 - Quyết định số 47/QĐ-UBND, ngày 07/01/2022 về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 38/2021/NQHĐND, ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh về Quy định mức chi hỗ trợ công tác quản lý, bảo vệ rừng tự nhiên trong các lưu vực thuỷ điện trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2022 - 2025;

 - Quyết định số 02/2022/QĐ-UBND, ngày 10/01/2022 quy định khung giá rừng và giá cho thuê rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Nam;

- Kế hoạch số 392/KH-UBND, ngày 18/01/2022 triển khai thực hiện Quyết định số 47/QĐ-UBND, ngày 07/01/2022 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 38/2021/NQHĐND, ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh về Quy định mức chi hỗ trợ công tác quản lý, bảo vệ rừng tự nhiên trong các lưu vực thuỷ điện trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2022 - 2025;

- Kế hoạch số 531/KH-UBND, ngày 24/01/2022 về ra quân trồng cây xanh trên địa bàn tỉnh năm 2022;

 - Quyết định số 851/QĐ-UBND, ngày 31/3/2022 về việc công nhận danh mục các xã trong vùng trọng điểm dễ xảy ra cháy rừng chia theo mức độ xung yếu trên địa bàn tỉnh;

- Chỉ thị số 08/CT-UBND, ngày 30/5/2022 về tăng cường công tác quản lý sản xuất, kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Nam;

- Quyết định số 1558/QĐ-UBND, ngày 09/6/2022 về ban hành Chương trình Đầu tư, phát triển vùng đệm tại các khu rừng đặc dụng và sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp tại các cộng đồng giáp các khu rừng phòng hộ trên địa bàn tỉnh Quảng Nam đến năm 2025;

- Quyết định số 2889/QĐ-UBND, ngày 26/10/2022 về ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2022 - 2025;

 - Quyết định số 04/QĐ-UBND, ngày 04/01/2023 về việc phê duyệt Đề án phát triển nguồn giống cây Lâm nghiệp bản địa trên địa bàn tỉnh Quảng Nam;

 - Chỉ thị số 12/CT-UBND, ngày 21/8/2023 về tăng cường các biện pháp quản lý, bảo vệ động vật hoang dã trên địa bàn tỉnh Quảng Nam;

 - Quyết định số 2182/QĐ-UBND, ngày 12/10/2023 về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 22/2023/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 của 18 HĐND tỉnh quy định nội dung và mức hỗ trợ công tác quản lý, bảo vệ rừng tự nhiên ngoài lưu vực thủy điện trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2023 - 2025;

 - Kế hoạch số 152/KH-UBND, ngày 08/01/2024 về việc Triển khai thực hiện Kế hoạch số 335-KH/TU, ngày 03/11/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận số 61-KL/TW, ngày 17/8/2023 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW, ngày 12/01/2017 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh;

 - Chỉ thị số 12/CT-UBND, ngày 10/5/2024 về việc tiếp tục triển khai quyết liệt các biện pháp cấp bách phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh.

- Chỉ thị số số 16/CT-UBND, ngày 09/8/2024 về việc thực hiện các giải pháp nhằm ngăn chặn triệt để các hành vi phá rừng, lấn, chiếm đất rừng trên địa bàn tỉnh.

**Phụ lục 2. Biểu tổng hợp kết quả triển khai thực hiện giai đoạn 2021-2023**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Đơn vị** | **Kết quả thực hiện****(2021-2023)** |
| **I** | **Tuyên truyền, phổ biến pháp luật** |  |  |
|  | * Tuyên truyền lưu động
 | Đợt | 1.243 |
|  | * Họp thôn
 | Lượt | 32.739 |
|  | * Phát trên loa, đài xã, phường
 | Lượt | 2.712 |
|  | * Ký kết bản cam kết bảo vệ rừng
 | Lượt | 17.725  |
|  | * Bảng tuyên truyền
 | Bảng | 192 |
|  | * Xây dựng video tuyên truyền
 | Bộ | 05 |
| **II** | **Quản lý, bảo vệ rừng** |  |  |
| ***2.1*** | ***Chuyển mục đích sử dụng rừng*** | ***Ha*** | ***48,30885***  |
|  | * Rừng tự nhiên
 | Ha | 21,35285  |
|  | * Rừng trồng
 | Ha | 9,825  |
|  | * Đất chưa có rừng
 | Ha | 17,13  |
| ***2.2*** | ***Công tác phòng cháy chữa cháy rừng*** |  |  |
|  | * Số vụ cháy rừng
 | Vụ | 121 |
|  | * Diện tích rừng bị thiệt hại
 | Ha | 455,639 |
| ***2.3*** | ***Thực thi pháp luật về Lâm nghiệp*** |  |  |
|  | * Tuần tra, truy quét
 | Đợt  | 21.912  |
|  | * Phát hiện lập biên bản vi phạm
 | Vụ  | 1.031  |
|  | * Diện tích rừng tự nhiên bị thiệt hại do phá rừng trái pháp luật
 | Ha  | 75,408  |
|  | * *Xử lý vi phạm:*
 | *Vụ* | *797* |
|  |  + Khởi tố hình sự: | Vụ  | 116 |
|  | * Kiểm lâm
 | Vụ  | 105 |
|  | * Công an
 | Vụ  | 11 |
|  |  + Xử lý hành chính | Vụ  | 681 |
| **III** | **Sử dụng và phát triển rừng** |  |  |
|  | * Trồng rừng tập trung
 | Ha | 66.701,64  |
|  | * Trồng cây phân tán
 | Triệu cây | 20,89  |
|  | * Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên
 | Lượt ha | 11.434,33  |
|  | * Cấp chứng chỉ FSC
 | Lượt ha | 24.152,19 |
|  | * *Phát triển lâm sản ngoài gỗ, dược liệu:*
 |  |  |
|  |  + Phát triển Sâm Ngọc Linh | Ha  | 1.243,44 |
|  |  + Phát triển cây Quế Trà My | Ha  | 2.671,46 |